

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 300/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2026
V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Lê Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trần Khánh Duy- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 416/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1015/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 738/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2026 và Thông báo xét xử sơ thẩm số 386/TBXX-ST ngày 15/7/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L; sinh năm: 1997. ĐKTT: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0772876204. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H; sinh năm: 1990. ĐKTT: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0939564328. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Chúc L cho rằng:

Bà và ông Phạm Văn H (gọi tắt là ông H), tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ cũ vào ngày 04/8/2015.

Sau khi chung sống, giữa hai vợ chồng xảy ra bất đồng về quan điểm sống; ông H không quan tâm vợ con, thường để mặc bà phải gánh vác lo cho gia đình và nuôi dạy con, dần dần bà không chịu nổi áp lực tinh thần nên mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân hơn nửa năm nay.

Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Ngọc B (nữ), sinh ngày 20/10/2014. Bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn H cho rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất thời điểm kết hôn và quan hệ hôn nhân như bà Nguyễn Thị Chúc L (gọi tắt là bà L) trình bày là đúng.

Quá trình chung sống, do kinh tế khó khăn và bất đồng quan điểm nên vợ chồng có mâu thuẫn; tuy nhiên, ông nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, hiện tại ông còn thương vợ con và mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Ngọc B (nữ), sinh ngày 20/10/2014. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với ông Phạm Văn H.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Ngọc B (nữ), sinh ngày 20/10/2014. Con có nguyện vọng sống chung với mẹ và ông H cũng đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao con cho bà L nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con chung cho ông H theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

+ Về nợ chung: bà L và ông H cho rằng không có và hiện tại chưa có ai có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn và nuôi con”. thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Chúc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; tuy nhiên, sau khi chung sống, do khó khăn về kinh tế và cả hai xảy ra bất đồng quan điểm, không còn có sự quan tâm và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà L yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông H cho rằng còn thương bà L nên không đồng ý ly hôn nhưng ông H không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại; bên cạnh đó, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ông H vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Ngọc B (nữ), sinh ngày 20/10/2014. Thấy rằng: bà L có yêu cầu nuôi con và ông H cũng đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con nên cần giao con cho bà L nuôi dưỡng.

Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Do ông H không trực tiếp nuôi con nên dành quyền thăm nom con chung cho ông H theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

Về nợ chung: bà L và ông H cho rằng không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Chúc L.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2. **Về con chung:**

Có 01 con chung là Phạm Thị Ngọc B (nữ), sinh ngày 20/10/2014. Giao con cho bà Nguyễn Thị Chúc L nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Chúc L không yêu cầu ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Phạm Văn H theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung:** không có nên không giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Chúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ đồng theo biên lai số 0007852 ngày 22/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cần Thơ. Bà L đã nộp xong án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:**

Trong thời hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên toà, kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà; các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Cần Thơ;
- **UBND xã Thạnh Phú, Tp. Cần Thơ;**
- Phòng THA DS khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang